

Bản án số:22/2018/DS-ST
Ngày 28tháng 6 năm 2018
V/v: “*tranh chấp kiện đòi tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
E
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Phạm Thanh Thủy**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Nguyễn Công Chi và Ngô Văn Sỹ.**
- *Thư ký phiên toà:* Bà**Phạm Thái Trâm Anh**-Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 28tháng 6năm 2018 tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵngxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2018về “*tranh chấpkiện đòi tài sản*”theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-DS ngày 11.6.2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị Q** ,sinh năm 1990 và ông **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1987. Ông Nguyễn Đình T ủy quyền cho bà Bùi Thị Q tham gia tố tụng (Theo văn bản ủy quyền số 01 ngày 03.5.2018) (có mặt)

Cùng trú tại: tổ 9, phường H, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Tấn L**, sinh năm 1963 (vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

Trú tại: tổ 22, phường H, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Bùi Thị Q trình bày:**

Vào ngày 05.5.2017, vợ chồng tôi có xem và đặt cọc mua một miếng đất thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Tấn L với giá 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Thỏa thuận sau 01 tháng kể từ ngày ông L nhận số tiền đặt cọc là 112.000.000 đồng sẽ hoàn tất thủ tục bàn giao giấy tờ hợp pháp đứng tên vợ chồng tôi nhưng cho đến nay ông L vẫn không thực hiện như đã cam kết. Sau nhiều lần tranh chấp và tiến hành giải quyết tại Công an phường H và quận Liên Chiểu và ông L viết cam kết vào ngày 09.01.2018 với nội dung sẽ thanh toán lại cho vợ chồng tôi số tiền 80.000.000 đồng, số tiền còn lại vào ngày 31.01.2018 thanh toán 15.000.000 đồng, vào ngày 01.3.2018 thanh toán tiếp số tiền còn lại là 17.000.000 đồng. Sau khi viết cam kết ông L đã trả cho vợ chồng tôi nhiều lần tổng cộng số tiền 90.000.000 đồng. Đến hết ngày

01.3.2018 ông L đã không thực hiện thanh toán số tiền còn lại. Nay vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Tấn L hoàn trả lại số tiền còn nợ là 22.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn là ông Nguyễn Tấn L không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hòa giải và quyết định đối chất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Bùi Thị Q, ông Nguyễn Đình T với ông Nguyễn Tấn L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 11.6.2018 và cũng như phiên tòa hôm nay Tòa án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn là ông L nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt ông L.

[2] **Về nội dung vụ án:** Xét yêu khởi kiện của bà Bùi Thị Q, ông Nguyễn Đình T với ông Nguyễn Tấn L thì thấy: HĐXX xét thấy, về khoản tiền nợ, xuất phát từ việc mua bán đất không thành nên bà Q và ông T đã yêu cầu ông L trả lại tiền mua bán đất là 112.000.000 đồng. Sự việc đã được bà Q và ông T tố cáo đến Công an quận Liên Chiểu về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Tấn L. Ngày 02.3.2018 Công an quận Liên Chiểu ra thông báo số 171/CSĐT: về việc kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm với nội dung “ hành vi của ông Nguyễn Tấn L không cấu thành tội phạm” và sau khi làm việc với hai bên đương sự thì ông L có viết một bản cam kết vào ngày 09.01.2018 với nội dung: “*Tôi là Nguyễn Tấn L có nhận tiền bán đất của chị Bùi Thị Q số tiền 112.000.000 đồng, hiện nay tôi đã trả được 80.000.000 đồng, số tiền còn lại tôi cam đoan, ngày 31.01.2018 trả 15.000.000 đồng, ngày 01.3.2018 trả 17.000.000 đồng*”. Sau khi trả được 80.000.000 đồng, ông L trả tiếp cho vợ chồng bà Q được 10.000.000 đồng. Đến thời hạn 01.3.2018 ông L đã không thanh toán số tiền còn lại là 22.000.000 đồng. Nay vợ chồng bà Q yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Tấn L hoàn trả lại số tiền còn nợ là 22.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình, bà Q và ông T đã cung cấp chứng cứ là 02 “Hợp đồng mua bán đất” viết ngày 05.5.2017 và ngày 17.5.2017 và một bản cam kết viết ngày 09.01.2018 có nội dung thể hiện ông L có nhận tiền bán đất của bà Q và ông T số tiền 112.000.000 đồng. (*một trăm mười hai triệu đồng*), ký tên ông Nguyễn Tấn L.

Sau khi viết cam kết ông L đã thanh toán cho bà Q và ông T số tiền 90.000.000 đồng, số tiền còn lại là 22.000.000 đồng đến hạn ngày 01.3.2018 nhưng ông L vẫn chưa thanh toán dứt điểm số tiền còn lại cho bà Q và ông T.

Bị đơn, ông Nguyễn Tấn L đã được Toà án thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Q và ông Nguyễn Đình T trong thông báo thụ lý và thông báo công khai chứng cứ, nội dung những vấn đề hoà giải trong các thông báo hoà giải nhưng đã không có ý kiến, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia hoà giải.

Các bên đương sự đều đã trưởng thành và đủ năng lực hành vi dân sự, xuất phát từ sự thoả thuận của hai bên nên giao dịch dân sự giữa các bên là hợp pháp phù hợp theo quy định của pháp luật. Do ông Nguyễn Tấn L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc bà Q và ông T khởi kiện là có căn cứ. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q và ông T buộc ông L phải có nghĩa vụ trả cho bà Q và ông T số tiền 22.000.000 đồng (*hai mươi hai triệu đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 BLDS năm 2015. Bà Q và ông T không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xét.

* Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Tấn L phải chịu án phí DSST là: 1.100.000 đồng (*một triệu một trăm ngàn đồng*)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Bùi Thị Q và ông Nguyễn Đình T đối với ông Nguyễn Tấn L.

1. Tuyên xử: Buộc ông Nguyễn Tấn L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị Q và ông Nguyễn Đình T số tiền: 22.000.000 đồng (*hai mươi hai triệu đồng*).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Tấn L phải chịu án là: 1.100.000 đồng (*một triệu một trăm ngàn đồng*).

+ Bà Bùi Thị Q và ông Nguyễn Đình T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 550.000 đồng (*năm trăm năm mươi ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0002787 ngày 27.3.2018 và Biên lai thu số 0002949 ngày 07.6.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chi khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Quyền kháng cáo: Đại diện nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THA quận Liên Chiểu;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thủy